

4- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

Đơn vị báo cáo: ...

Mẫu số B 09a - DN

Địa chỉ: ...

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Quý ... năm ...

I. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp

1. Hình thức sở hữu vốn.
2. Lĩnh vực kinh doanh.
3. Ngành nghề kinh doanh.
4. Đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong kỳ kế toán có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính.

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

1. Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày .../.../... kết thúc vào ngày .../.../...).
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

1. Chế độ kế toán áp dụng.
2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán
3. Hình thức kế toán áp dụng.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

Doanh nghiệp phải công bố việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ và báo cáo tài chính năm gần nhất là cùng áp dụng các chính sách kế toán như nhau. Trường hợp có thay đổi thì phải mô tả sự thay đổi và nêu rõ ảnh hưởng của những thay đổi đó.

VI. Các sự kiện hoặc giao dịch trọng yếu trong kỳ kế toán giữa niên độ

1. Giải thích về tính thời vụ hoặc tính chu kỳ của các hoạt động kinh doanh trong kỳ kế toán giữa niên độ.

2. Trình bày tính chất và giá trị của các khoản mục ảnh hưởng đến tài sản, nợ phải trả, nguồn vốn chủ sở hữu, thu nhập thuần, hoặc các luồng tiền được coi là yếu tố không bình thường do tính chất, quy mô hoặc tác động của chúng.

3. Trình bày những biến động trong nguồn vốn chủ sở hữu và giá trị lũy kế tính đến ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ, cũng như phần thuyết minh tương ứng mang tính so sánh của cùng kỳ kế toán trên của niên độ trước gần nhất.

4. Tính chất và giá trị của những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong báo cáo giữa niên độ trước của niên độ kế toán hiện tại hoặc những thay đổi trong các ước tính kế toán đã được báo cáo trong các niên độ trước, nếu những thay đổi này có ảnh hưởng trọng yếu đến kỳ kế toán giữa niên độ hiện tại.

5. Trình bày việc phát hành, mua lại và hoàn trả các chứng khoán nợ và chứng khoán vốn.

6. Cổ tức đã trả (tổng số hay trên mỗi cổ phần) của cổ phiếu phổ thông và cổ phiếu ưu đãi (áp dụng cho công ty cổ phần).

7. Trình bày doanh thu và kết quả kinh doanh bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh hoặc khu vực địa lý dựa trên cơ sở phân chia của báo cáo bộ phận (Áp dụng cho công ty niêm yết).

8. Trình bày những sự kiện trọng yếu phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ chưa được phản ánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ đó.

9. Trình bày những thay đổi trong các khoản nợ tiềm tàng hoặc tài sản tiềm tàng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất.

10. Các thông tin khác.

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(3) Danh mục báo cáo tài chính giữa niên độ (dạng tóm lược)

- Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

(dạng tóm lược):

Mẫu số B 01b – DN

- Báo cáo kết quả hoạt động KD giữa niên độ

(dạng tóm lược):

Mẫu số B 02b – DN

- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ

(dạng tóm lược):

Mẫu số B 03b – DN

- Bản thuyết minh báo cáo tài chính chọn lọc

Mẫu số B 09a – DN

(4) Mẫu biểu báo cáo tài chính giữa niên độ (dạng tóm lược)

1. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (dạng tóm lược)

Đơn vị báo cáo:...

Mẫu số B 01b- DN

Địa chỉ:...

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng tóm lược)

Quý...năm ...

Tại ngày ... tháng ... năm ...

Đơn vị tính:...

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100			
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130			
IV. Hàng tồn kho	140			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150			
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200			
I- Các khoản phải thu dài hạn	210			
II. Tài sản cố định	220			

III. Bất động sản đầu tư	240			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250			
V. Tài sản dài hạn khác	260			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270			
NGUỒN VỐN				
1	2	3	4	5
A - NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+ 330)	300			
I. Nợ ngắn hạn	310			
II. Nợ dài hạn	330			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400			
I. Vốn chủ sở hữu	410			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440			

Lập, ngày ... tháng ... năm...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (dạng tóm lược)

Đơn vị báo cáo:

Mẫu số B 02b – DN

Địa chỉ:...

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng tóm lược)

Quý ...Năm...

Đơn vị tính:...

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý.....		Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01					
2. DT hoạt động tài chính và thu nhập khác	31					
3. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50					
4. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60					

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Giám đốc

(Ký, họ tên, đóng dấu)

3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (dạng tóm lược)

Đơn vị báo cáo: ...

Mẫu số B 03b – DN

Địa chỉ:...

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Dạng tóm lược)

Quý... năm...

Đơn vị tính: ...

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Lưu chuyển tiền thuần từ HĐKD	20			
2. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30			
3. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40			
4. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50= 20+30+40)	50			
5. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60			
6/ Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
7/ Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70			

Lập, ngày ... tháng ... năm ...

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

PHẦN BÀI TẬP

Bài tập 1:

Tại công ty X, trong tháng 2 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Ngày 03/02: Mua một lô hàng hoá có giá trên hoá đơn của bên bán là 10.000.000đ, thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển do bên mua chịu 200.000đ. Hàng về kiểm nhận nhập kho đủ, chưa thanh toán tiền.

2. Ngày 07/02: Mua một lô hàng hoá trị giá 80.000.000đ, thuế GTGT 10%. Hàng về kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu một số hàng trị giá chưa thuế GTGT là 10.000.000đ so với hoá đơn chưa rõ nguyên nhân, công ty nhập kho theo số thực nhận, tiền chưa thanh toán.

3. Ngày 14/02: Giải quyết số hàng thiếu ngày 07/02, bên vận chuyển phải bồi thường theo giá bán ra là 12.000.000đ.

4. Ngày 16/02: Vay ngắn hạn ngân hàng chuyển trả toàn bộ tiền hàng ngày 03/02, việc trả tiền đã hoàn thành.

5. Ngày 19/02: Nhận được hoá đơn về lô hàng đã nhập kho theo giá tạm tính 5.000.000đ. Giá chính thức ghi trên hoá đơn bên bán giao là 5.200.000đ, thuế GTGT 10%. Chưa thanh toán tiền.

6. Ngày 21/02: Mua một lô hàng trị giá 6.000.000đ, thuế GTGT 10%. Kiểm nhận nhập kho phát hiện thừa một số hàng hoá trị giá 1.200.000đ. Công ty làm thủ tục nhập kho luôn số hàng thừa. Chưa thanh toán tiền.

7. Ngày 25/02: công ty đề nghị bên bán bán luôn số hàng thừa nhập kho ngày 21/02, bên bán đồng ý và đã giao hoá đơn, tiền chưa thanh toán.

8. Ngày 28/02: Nhận được chứng từ đòi tiền của bên bán, công ty đã chấp nhận thanh toán bằng tiền vay ngắn hạn ngân hàng. Nhưng cuối tháng hàng vẫn chưa về kho, trị giá hàng hoá 15.000.000đ, thuế GTGT 10%.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài tập 2:

Tại công ty K trong tháng 3 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Ngày 01/03: Mua một lô hàng hoá trị giá 6.000.000đ, thuế GTGT 10%; bao bì luân chuyển đánh giá riêng 200.000đ. Hàng về nhập kho đủ, tiền chưa thanh toán.

2. Ngày 05/03: Mua một lô hàng hoá trị giá 50.000.000đ, kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu một số hàng trị giá 400.000đ, thuế GTGT 10%. Số hàng thiếu được phép tính vào chi phí mua hàng 0,4% trên trị giá hàng mua chưa thuế GTGT; phần vượt định mức bên vận chuyển phải bồi thường theo giá bán 300.000đ.

3. Ngày 12/03: Mua một lô hàng hoá trị giá 30.000.000đ, thuế GTGT 10%. Hàng về nhập kho phát hiện có một số hàng sai quy cách trị giá chưa thuế 5.000.000đ. Công ty làm thủ tục nhập kho số hàng đúng quy cách và lập biên bản tạm giữ bản quản riêng số hàng sai quy cách, tiền chưa trả người bán.

4. Ngày 15/03: Mua một lô hàng trị giá 10.000.000đ, thuế GTGT 10%; người bán đem giao tại công ty, đã thanh toán bằng tiền mặt.

5. Ngày 20/03: Bên bán đồng ý giảm giá số hàng sai quy cách ngày 12/03 còn 50% giá trị. Công ty làm thủ tục nhập kho số hàng này.

6. Ngày 25/03: Cán bộ thu mua về thanh toán tạm ứng số hàng hoá nhập kho trị giá 10.000.000, thuế GTGT 10%; chi phí vận chuyển, bốc vác 100.000đ, thuế GTGT 5%. Số tiền thừa nộp lại quỹ 2.000.000đ.

Bài tập 3:

Một doanh nghiệp hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê thường xuyên, tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ. Thành phẩm bán trong kỳ chịu thuế suất thuế GTGT 10%.

DN có tình hình tồn kho thành phẩm đầu tháng như sau:

- Sản phẩm H: 800 sp, đơn giá: 100.000đ/sp
- Sản phẩm M: 1000 sp, đơn giá: 250.000đ/sp

Trong tháng có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. DN sản xuất và nhập kho thành phẩm trong kỳ:

- Sản phẩm H: 9.200 sp, đơn giá: 106.000đ/sp
- Sản phẩm M: 7.000 sp, đơn giá: 230.000đ/sp

2. Xuất kho trong kỳ:

• Đối với sản phẩm H:

- Xuất bán 5.000 sp. Trong đó, 1.000 sp thu bằng tiền mặt, 3.000 sp thu bằng tiền gửi ngân hàng, 1.000 sp chưa thu tiền. Đơn giá chưa thuế GTGT 150.000đ/sp

- Xuất 3.000 sp đem góp vốn liên doanh ngắn hạn, giá do các bên liên doanh đánh giá là 130.000đ/sp

• Đối với sản phẩm M:

- Xuất gửi bán 1.500 sp, khách hàng đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán 1.400 sp và từ chối thanh toán trả lại 100 sp. Đơn giá chưa thuế GTGT 300.000đ/sp

- Xuất bán 4.500 sp chưa thu tiền, DN cho đơn vị mua hưởng giảm giá 2% tính theo giá bán chưa thuế GTGT và đồng ý trừ vào khoản phải thu.

3. Tổng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ tập hợp như sau:

- Chi phí bán hàng: 50.000.000đ
- Chi phí quản lý doanh nghiệp: 60.000.000đ

Yêu cầu: Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và xác định kết quả kinh doanh.

Bài tập 4:

Công ty thương mại “Phương Thảo” nộp thuế giá trị gia tăng (VAT) theo phương pháp khấu trừ, kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, trong tháng 5 có tình hình kinh doanh như sau : (Công ty chỉ kinh doanh một mặt hàng A duy nhất).

Số dư đầu tháng 5 :

- TK 156 : 25.000.000 đ (1.000 cái x 25.000 đ/cái)
- Các tài khoản khác có số dư giả định.

Tình hình phát sinh trong tháng 5 :

1/ Công ty cử người đến nhận một lô hàng tại Công ty Anh Tuấn, số lượng hàng ghi trên hoá đơn là 3.000 cái, đơn giá 28.000 đ thuế VAT 10%, tiền hàng chưa thanh toán. Sau khi nhận hàng xong về nhập kho phát hiện thừa 200 cái. Số hàng thừa chưa rõ nguyên nhân, Công ty nhận giữ hộ hàng thừa. Chi phí mua hàng chi bằng tiền mặt 2.870.000 đ.

2/ Công ty Hoàng Sơn chuyển đến đơn vị một lô hàng, số lượng hàng ghi trên hoá đơn là 4.000 cái, đơn giá 27.000 đ, thuế VAT 10%. Khi kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu 500 cái, Công ty cho nhập kho theo số hàng thực nhận, chi phí vận chuyển phải trả cho bên bán là 500 đ/cái.

3/ Công ty xuất gửi bán 2.000 cái cho Công ty Nam Sơn, giá bán 30.000 đ/cái, thuế VAT 10%. Sau đó nhận được hồi báo của bên mua đã nhận được hàng nhưng chỉ chấp nhận thanh toán 1.500 cái, số còn lại kém phẩm chất bên mua giữ hộ.

4/ Xuất bán trực tiếp tại kho 3.000 cái cho Công ty Thái Tài, giá bán 35.000 đ/cái, thuế VAT 10%, đã thu bằng tiền mặt. Sau đó nhận được hồi báo của bên mua đề nghị trả lại 200 đơn vị hàng kém phẩm chất, đơn vị đã chấp nhận và đã thu hồi hàng về nhập kho.

5/ Xuất 1.000 cái cho Đại lý Lan Thảo, giá bán 32.000 đ/cái, thuế VAT 10%. Hoa hồng dành cho Đại lý là 5% trên giá bán. Cuối tháng Đại lý Lan Thảo thanh toán bằng tiền mặt 800 đơn vị hàng sau khi đã trừ phần hoa hồng được hưởng.

6/ Số hàng thừa ở nghiệp vụ 1, Công ty Anh Tuấn đề nghị đơn vị mua luôn, đơn vị chấp nhận và đã nhận được hoá đơn của số hàng này.

7/ Công ty chi tiền mặt thanh toán cho lô hàng của Công ty Minh Hải, số lượng 1.000 cái, đơn giá 27.000đ, thuế VAT 10%. Nhưng cuối tháng số hàng này vẫn chưa về đến đơn vị.

8/ Tính tiền lương phải trả trong tháng ở bộ phận bán hàng 5.000.000đ và bộ phận quản lý doanh nghiệp 2.000.000đ.

9/ Bảo hiểm xã hội, kinh phí Công đoàn, bảo hiểm y tế tính trích theo tỷ lệ quy định.

10/ Khấu hao tài sản cố định trích trong tháng ở bộ phận bán hàng 500.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 300.000đ.

11/ Xuất công cụ ra sử dụng ở bộ phận bán hàng 100.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 200.000đ.

12/ Các khoản chi phí bằng tiền mặt ở bộ phận bán hàng 1.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 2.000.000đ.

13/ Cuối tháng kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh trong tháng. Chi phí mua hàng phân bổ cho hàng bán ra khối lượng tiêu thụ. Chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp phân bổ hết cho hàng tiêu thụ trong tháng.

Yêu cầu :

Định khoản và phản ánh vào sơ đồ tài khoản chữ T tình hình trên biết rằng đơn vị xác định trị giá thực tế hàng xuất kho theo phương pháp “Nhập trước – Xuất trước”.

Bài tập 5: Tại một doanh nghiệp thương mại có đặc điểm sau:

- Kinh doanh hàng hoá X, Y
- Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho;
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp FIFO;
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ; hàng hoá X, Y mua, bán đều chịu thuế suất thuế GTGT 10% (lưu ý: giá mua và bán hàng hoá X, Y nêu trong bài đều là giá chưa thuế); thuế GTGT dịch vụ vận chuyển 5%.

– Doanh nghiệp có chức năng xuất nhập khẩu trực tiếp hàng hoá X, Y, với thuế suất thuế nhập khẩu của hàng hoá Y là 2%, thuế GTGT đối với hàng hoá Y nhập khẩu là 10%, thuế suất thuế xuất khẩu hàng hoá X là 2%.

- Giá bán hàng hoá X trong kỳ là 120.000 đồng/kg
- Giá bán hàng hoá Y trong kỳ là 300.000 đồng/kg
- Tình hình tồn đầu kỳ của hàng hoá X như sau:

D.TK 1561 (X): 45.000.000 đồng (500kg)

D.TK 1562 (X): 500.000 đồng

Trong tháng 3 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Ngày 1/3: Nhập kho 2000 kg hàng hoá được nhập khẩu trực tiếp với giá mua 15USD/kg. Đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Thuế GTGT hàng nhập khẩu và thuế nhập khẩu đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển về kho chưa thanh toán 1.050.000 đồng (kể cả thuế GTGT). Tỷ giá thực tế thời điểm nhập khẩu là 15.600 VND/1USD, tỷ giá xuất ngoại tệ là 15.500 VND/USD.

2. Ngày 2/3: Xuất kho gửi bán 400 kg Y cho khách hàng A. Chi phí vận chuyển hàng bán 200.000 đồng, đã thanh toán bằng tiền mặt.

3. Ngày 4/3: Mua 1.250 kg hàng hoá X với giá mua 90.000 đồng/kg, chưa thanh toán cho người bán A. Nhập kho phát hiện thiếu 50 kg, chưa rõ nguyên

nhân. Chi phí vận chuyển phải trả 1.000 đồng/1kg, đã thanh toán bằng tiền mặt theo số thực tế nhập kho.

4. Ngày 8/3: Khách hàng A đã nhận được hàng và thanh toán ngay bằng tiền gửi ngân hàng (đã nhận được giấy báo Có).

5. Ngày 10/3: Xuất bán trực tiếp 400kg X. Người mua P trực tiếp đến nhận hàng và đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

6. Ngày 12/3: Xuất gửi đại lý M bán 1.100 kg Y

7. Ngày 13/3: Mua 400 kg hàng hoá X với giá mua 91.000 đồng/ 1 kg, chưa thanh toán tiền cho người bán B. Khi kiểm nhận hàng phát hiện thừa 10 kg, doanh nghiệp tạm giữ hộ số hàng thừa trên. Chi phí vận chuyển đã trả bằng tiền mặt theo số thực nhận 1000 đ/1kg.

8. Ngày 14/3: Số hàng thiếu ở đơn hàng nhập kho ngày 4/3 do bên vận chuyển làm mất nên phải bồi thường tổng cộng 5.200.000 đồng.

9. Ngày 17/3: Xuất kho gửi bán 500kg X cho khách hàng N. Chi phí vận chuyển hàng bán chưa thanh toán 525.000 đồng (kể cả thuế GTGT)

10. Ngày 20/3: Xuất trả số hàng thừa cho người bán B (nhập kho ngày 10), đồng thời thanh toán nợ bằng tiền gửi ngân hàng sau đi đã trừ phần chi phí vận chuyển (liên quan đến số hàng thừa) đã thanh toán.

11. Ngày 21/3: Khách hàng N đã nhận được hàng gửi ngày 17/3 nhưng chỉ nhập kho và chấp nhận thanh toán 400kg X đúng điều kiện, đề nghị trả lại 100kg X không đúng chất lượng. Doanh nghiệp chấp nhận yêu cầu này.

12. Ngày 22/3: Xuất kho để gửi xuất khẩu 1000kg X với giá bán 12USD/1kg. Chi phí vận chuyển 500.000 đồng, chưa thanh toán.

13. Ngày 25/3: Số hàng X xuất kho ngày 22/3 đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu và đưa lên tàu. Thuế xuất khẩu đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi

phí khác phát sinh trong quá trình làm thủ tục đã thanh toán bằng tiền mặt. Tỷ giá thực tế 15.400 VND/1USD.

14. Ngày 28/3: Đại lý chuyển tiền gửi ngân hàng (đã nhận báo Có) về thanh toán cho 1.000kg hàng hoá Y đã tiêu thụ trong kỳ sau đi đã khấu trừ phần hoa hồng đại lý (2% trên giá bán chưa thuế GTGT và thuế GTGT hoa hồng đại lý thuế suất 10%).

15. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - Bộ phận bán hàng 800.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.185.000 đồng.
 - Thuế suất thuế GTGT dịch vụ mua ngoài 10%.
- Chi phí khấu hao TSCĐ:
 - Bộ phận bán hàng: 1.200.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp: 1.000.000 đồng
- Tiền lương:
 - Lương nhân viên bán hàng: 2.000.000 đồng
 - Lương quản lý doanh nghiệp: 1.500.000 đồng

Đồng thời, kế toán trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.

- Xuất công cụ (loại phân bổ 4 lần) dùng ở bộ phận bán hàng trị giá 2.000.000 đồng, dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp trị giá 4.000.000 đồng.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và xác định kết quả kinh doanh biết rằng chi phí thu mua hàng hoá X,Y được phân bổ vào giá vốn trong kỳ theo số lượng hàng hoá tiêu thụ.

Bài tập 6: Một doanh nghiệp kinh doanh hàng hoá, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê thường xuyên, áp dụng thuế GTGT khấu trừ, ngoại tệ hạch toán theo phương pháp TGTG trong tháng có tình hình kinh doanh như sau:

1/ Mua 300 hàng A, đơn giá chưa thuế 100.000 đ/chiếc, thuế suất GTGT 10%, chưa trả tiền công ty M. Chi phí vận chuyển bốc dỡ 110.000 đ trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 10.000 đ. Sau đó doanh nghiệp dùng tiền gửi ngân hàng trả hết nợ cho công ty M sau khi khoản chiết khấu được hưởng 1% trên tổng giá thanh toán vì thanh toán nhanh.

2/ Chuyển 250 hàng B cho công ty N, giá xuất kho 200.000 đ/cái, giá bán chưa thuế 240.000 đ/cái. Thuế GTGT 10%. Chi phí vận chuyển hàng bán : 220.000 đồng trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 20.000 đ. Vài ngày sau công ty N đã nhận được hàng, tiền chưa thanh toán.

3/ Nhập kho 1000 hàng C, đơn giá nhập 100 Usd/chiếc/CIF-HCM. Thuế nhập khẩu 5%, thuế GTGT 10%. Chi phí kiểm nghiệm, bốc dỡ 1.950.000 đ trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 450.000 đ. Hàng đã nhập kho đủ, tiền chưa trả người bán TGTG : 14.500đ/USD.

4/ Nhận giấy báo có của ngân hàng số tiền của công ty N thanh toán 200 đơn vị hàng B, còn 50 cái công ty N trả lại vì hàng kém chất lượng, hàng trả lại vẫn gửi ở công ty N.

5/ Xuất kho 500 hàng C bán cho công ty H, giá bán chưa thuế 1.800.000đ/chiếc; thuế suất GTGT 10%, công ty H đã chấp nhận thanh toán.

6/ Công ty H đã chuyển trả bằng chuyển khoản, đủ số tiền còn nợ sau khi trừ khoản chiết khấu được hưởng 2% trên giá bán chưa thuế do thanh toán trước thời hạn.

7/ Nhập khẩu (theo đơn đặt hàng của khách hàng) một thiết bị (dạng rời) theo giá 2.000USD (TGTG 15.800đ/USD), thuế nhập khẩu phải nộp 2% giá

nhập, VAT hàng nhập khẩu 10% giá nhập và thuế nhập khẩu. Chi phí vận chuyển và thủ tục phí nhận hàng đã chi tiền mặt 500.000đ (gồm VAT 20.000đ). Công ty chi TGNH (VNĐ) nộp thuế và chuyển khoản ngoại tệ thanh toán cho người bán (tỷ giá chi TGNH trên sổ kế toán 15.850đ/USD). Công ty đưa thiết bị đi lắp đặt, chi phí lắp đặt thanh toán bằng tạm ứng 2.100.000đ (gồm VAT 100.000đ). 10 ngày sau công ty bàn giao thiết bị này cho khách hàng theo hoá đơn 55.000.000đ (gồm VAT 5.000.000đ) chưa thu tiền.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên. Tính toán, kết chuyển, xác định kết quả kinh doanh vào sơ đồ tài khoản chữ T. Biết rằng : Chi phí mua hàng được tính hết cho hàng bán ra trong kỳ. Trong tháng đã tập hợp chi phí bán hàng 12.500.000 đ (ngoài các chi phí trên), chi phí quản lý doanh nghiệp: 25.000.000 đ

Bài tập 7: Một doanh nghiệp thương mại, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, chịu thuế VAT theo phương pháp khấu trừ thuế, có sử dụng tỷ giá hạch toán trong nghiệp vụ thu chi ngoại tệ, số dư đầu kỳ TK 1122: 120.000.000 (8.000 USD). Trong tháng có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

1/ Mua lô hàng, giá chưa thuế 100.000.000 thuế VAT 10%, tiền hàng chưa thanh toán, hàng về nhập kho đủ, chi phí thu mua trả bằng tiền mặt 1.100.000 đ. Trong đó thuế VAT 100.000.

2/ Nhập khẩu lô hàng trị giá 5.000 Usd/CIF - HCM, chưa trả tiền người bán, thuế nhập khẩu 5%, thuế tiêu thụ đặc biệt 20%, chi phí vận chuyển hàng về nhập kho đã trả bằng tiền mặt 220.000, trong đó thuế VAT 20.000, tỷ giá thực tế 15.010 VND/USD. Nộp đủ thuế bằng tiền mặt.

3/ Xuất khẩu toàn bộ lô hàng đã mua ở nghiệp vụ 1, hàng đã chuyển lên tàu; giá bán 10.000 USD/FOB - HCM, thuế xuất khẩu 2%, tiền hàng chưa thanh toán, tỷ giá thực tế 15.020 VNĐ/USD.

4/ Xuất toàn bộ lô hàng nhập khẩu ở nghiệp vụ 2 để bán theo phương thức chuyển hàng, giá bán chưa thuế 130.000.000, thuế VAT 10%, chi phí vận chuyển hàng hoá trả bằng tiền mặt 330.000, trong đó thuế VAT 30.000, bên mua chưa nhận được hàng.

5/ Doanh nghiệp đồng ý bán giảm giá lô hàng đã bán ở tháng trước, lô hàng này có giá xuất kho 20.000.000, giá bán chưa thuế 25.000.000, nay giảm xuống còn 24.000.000, thuế VAT 10%.

6/ Nhận giấy báo có của ngân hàng về lô hàng xuất khẩu của doanh nghiệp với nội dung :

- Ghi có TK TGNH : 9.890 USD.

- Thủ tục phí ngân hàng : 110 USD (đã có thuế VAT 10%), tỷ giá thực tế 15 x 030 VNĐ/USD.

7/ Nhận được giấy báo bên mua đã nhận được hàng chuyển bán ở nghiệp vụ 4, kèm theo biên bản thiếu một số có giá bán chưa thuế 26.000.000, chưa rõ nguyên nhân, tiền hàng chưa thanh toán.

8/ Nhận được hàng và hoá đơn của người bán chuyển đến, trị giá hàng theo giá chưa thuế trên hoá đơn là 60.000.000, nhưng kiểm nghiệm phát hiện thừa một số có giá mua chưa thuế 600.000, thuế VAT 10%, doanh nghiệp cho nhập kho luôn số hàng thừa, tiền hàng chưa thanh toán.

9/ Xác định nguyên nhân hàng thiếu ở nghiệp vụ 7 là do xuất nhầm, doanh nghiệp đã điều chỉnh sổ sách và giao hàng tiếp cho đủ số, bên mua đã nhận được. Xác định nguyên nhân số hàng thừa ở nghiệp vụ 8 là do bên bán giao

nhằm, sau đó doanh nghiệp đã đồng ý mua luôn số hàng này, tiền hàng chưa thanh toán.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và xác định kết quả kinh doanh, biết rằng chi phí bán hàng và chi phí doanh nghiệp tính cho hàng hoá bán ra trong tháng là 20.000.000.

Bài tập 8: Tại một doanh nghiệp thương mại có đặc điểm sau:

- Áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên hàng tồn kho;
- Tính giá hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ;
- Tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ; hàng hoá X mua, bán đều chịu thuế suất thuế GTGT 10% (lưu ý: giá mua và bán hàng hoá X nêu trong bài đều là giá chưa thuế);
- Giá bán hàng hoá X trong kỳ là 90.000đ/1 kg.
 1. Tình hình tồn kho hàng hoá đầu kỳ như sau:
 - D.TK 1561X: 18.000.000 đồng (300 kg)
 2. Tình hình nhập hàng hoá trong kỳ như sau:
 - Nhập kho 300 kg hàng hoá X với giá mua 60.000 đồng/ 1 kg, thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Chi phí vận chuyển trả bằng tiền mặt 600.000 đồng.
 - Mua 250 kg hàng hoá X với giá mua 62.000 đồng/1kg, chưa thanh toán cho người bán Y. Nhập kho phát hiện thiếu 50 kg, chưa rõ nguyên nhân.
 - Mua 200 kg hàng hoá X với giá mua 61.000 đồng/ 1 kg, chưa thanh toán tiền cho người bán Z. Khi kiểm nhận hàng phát hiện thừa 10 kg, doanh nghiệp tạm giữ hộ số hàng thừa trên. Chi phí vận chuyển đã trả bằng tiền mặt theo số thực nhận 1000 đ/1kg.
 - Số hàng thiếu ở trên (trong đơn hàng mua của người bán Y) bên vận chuyển bồi thường bằng tiền mặt tổng số tiền 4.000.000 đồng.

3. Tình hình xuất hàng hoá trong kỳ như sau:

- Xuất kho gửi bán 200 kg hàng hoá X cho khách hàng A. Chi phí vận chuyển hàng bán bằng tiền mặt 200.000 đồng
- Xuất trả số hàng thừa cho người bán Z, đồng thời thanh toán nợ bằng tiền gửi ngân hàng sau đi đã trừ phần chi phí vận chuyển (liên quan đến số hàng thừa) đã thanh toán.
- Xuất bán trực tiếp 300 kg hàng hoá X. Khách hàng M đến nhận hàng và chấp nhận thanh toán. Nếu khách hàng thanh toán trong kỳ thì sẽ được chiết khấu 2% trên giá bán chưa thuế GTGT.
- Xuất gửi đại lý bán 200 kg hàng hoá
- Khách hàng A đã nhận được hàng và chấp nhận thanh toán.
- Khách hàng M thanh toán toàn bộ trong thời hạn quy định bằng tiền gửi ngân hàng nên được hưởng phần chiết khấu đã thoả thuận.
- Khách hàng A khiếu nại về một số lô hàng bị giảm chất lượng, đề nghị trả lại 50 kg hàng hoá X. Doanh nghiệp nhập kho lại số hàng này và giảm khoản phải thu khách hàng A.
- Đại lý chuyển tiền gửi ngân hàng về thanh toán cho 180kg hàng hoá X đã tiêu thụ trong kỳ sau đi đã khấu trừ phần hoa hồng đại lý (2% trên giá bán chưa thuế GTGT).

4. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh:

- Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - Bộ phận bán hàng 800.000 đồng
 - Bộ phận quản lý doanh nghiệp 1.185.000 đồng, thuế GTGT dịch vụ mua ngoài 10%.
- Chi phí khấu hao TSCĐ:
 - Bộ phận bán hàng: 1.200.000 đồng

- Bộ phận quản lý doanh nghiệp: 1.000.000 đồng

• Tiền lương:

- Lương nhân viên bán hàng: 2.000.000 đồng

- Lương quản lý doanh nghiệp: 1.500.000 đồng

Đồng thời, kế toán tính trích các khoản BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.

• Xuất công cụ (loại phân bổ 50%) dùng ở bộ phận bán hàng trị giá 1.000.000 đồng, dùng ở bộ phận quản lý doanh nghiệp trị giá 2.000.000 đồng.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và xác định kết quả kinh doanh.

Bài tập 9:

Tại một doanh nghiệp có tình hình nhập khẩu vật tư, hàng hoá như sau:

1. Nhập khẩu trực tiếp một lô hàng hoá trị giá 10.000USD. Hàng đã chở về nhập kho, chưa thanh toán tiền hàng.

Thuế nhập khẩu 2% giá trị hàng nhập, thuế GTGT đối với hàng nhập khẩu 10%. Các khoản thuế này đã nộp bằng tiền gửi ngân hàng.

Chi phí kiểm nghiệm, vận chuyển đã trả bằng tiền mặt 500.000đ.

Tỷ giá thực tế 16.080VNĐ/1USD.

2. Nhận giấy báo nợ của ngân hàng của ngân hàng về việc trả nợ cho người bán ở nghiệp vụ 1. Tỷ giá thực tế 16.020VNĐ/1USD.

3. Nhập khẩu một số công cụ, dụng cụ trị giá 800USD và một tài sản cố định trị giá 5.000USD, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Thuế nhập khẩu công cụ và tài sản cố định là 2%, thuế GTGT 10%; đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng.

Chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền mặt 580.000đ, được phân bổ theo giá trị hàng nhập khẩu.

Tài sản cố định được đầu tư từ Quỹ Đầu tư Phát triển

Tỷ giá thực tế 16.070VNĐ/1USD

4. Nhập khẩu một lô hàng hoá trị giá 5.000USD, chưa thanh toán tiền cho người bán. Khi hàng về kiểm nhận nhập kho phát hiện thiếu một số hàng trị giá 500USD, chưa rõ nguyên nhân. Công ty nhập kho theo số thực tế.

Thuế nhập khẩu 1% trên trị giá hàng nhập, thuế GTGT 10%. Các khoản thuế đã thanh toán bằng tiền mặt.

Các chi phí khác phát sinh trong quá trình nhập khẩu đã thanh toán bằng tiền mặt 1.000.000đ

Tỷ giá thực tế 16.040VNĐ/1USD

5. Số hàng thiếu ở nghiệp vụ (4) được công ty bảo hiểm bồi thường bằng tiền gửi ngân hàng 550USD. Tỷ giá thực tế 16.100VNĐ/1USD

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh biết rằng số dư tài khoản 1122 đầu kỳ là 40.000USD x 16.050VNĐ/1USD

Bài tập 10:

Công ty A nhận uỷ thác nhập khẩu hàng hoá cho Hợp tác xã B.

Các chi phí và thuế trong quá trình nhập do công ty A chi trả và sẽ thanh toán với Hợp tác xã B khi kết thúc quá trình nhập.

Hoa hồng uỷ thác được tính 2% trên giá trị hàng nhập khẩu, thuế GTGT 10%.

Quá trình nhập khẩu uỷ thác diễn ra như sau:

1. B ứng trước tiền hàng cho A, số tiền 10.000USD bằng tiền gửi ngân hàng. Tỷ giá thanh toán 16.050 VNĐ/USD.

2. A nhập hàng và giao cho B tại cảng, trị giá hàng hoá theo đúng hợp đồng 10.000USD. Chưa thanh toán tiền cho người bán. Tỷ giá thanh toán 16.050 VNĐ/USD.

3. A chi tiền mặt tổng cộng 5.000.000đ gồm 2.000.000đ để nộp thuế nhập khẩu, 3.000.000 để thanh toán các chi phí khác trong quá trình nhập khẩu. Tỷ giá thực tế 16.050VNĐ/1USD.

4. B nhận hàng tại cảng và chở hàng về nhập kho, chi phí vận chuyển đã thanh toán bằng tiền mặt 1.000.000đ.

5. A chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán thuế GTGT đối với lô hàng vừa nhập khẩu với thuế suất 10%.

6. A nhận giấy báo Nợ về việc chuyển tiền thanh toán cho nhà cung cấp nước ngoài với nội dung: Chuyển trả nợ 10.000USD và thanh toán phí chuyển tiền 0,05% trên số tiền chuyển VNĐ (A chịu). Tỷ giá thực tế 16.070VNĐ/1USD.

7. A chuyển các chứng từ chi phí và thu phí hoa hồng uỷ thác cho B. B thanh toán toàn bộ bằng tiền gửi ngân hàng. Tỷ giá quy đổi tiền hoa hồng 16.000VND/1USD.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh ở cả công ty A và hợp tác xã B. Biết rằng tỷ giá xuất ngoại tệ của cả hai đơn vị là 16.000VNĐ/1USD.

Bài tập 11:

Công ty ABC có tình hình các khoản đầu tư đầu tháng 12/200X như sau:

D.TK 228: 500.000.000đ gồm 100 cổ phần công ty A trị giá 100.000.000đ và 400 cổ phần công ty Z mệnh giá 400.000.000đ

D.TK 121: 50.000.000đ gồm 50 kỳ phiếu Ngân hàng Đ mệnh giá 1.000.000đ/tờ, thời hạn thanh toán 6 tháng, trả lãi định kỳ hàng tháng, lãi suất 0,9%/tháng

Trong tháng 12 có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh như sau:

1. Ngày 01/12: Chi tiền gửi ngân hàng mua kỳ phiếu thời hạn 12 tháng của ngân hàng N phát hành, số tiền 10.000.000đ. lãi suất 10,8%/năm, thu lãi một lần khi mua.

2. Ngày 15/12: Mua lại một số trái phiếu chính phủ bằng tiền mặt 22.500.000đ. Số trái phiếu này có mệnh giá 25.000.000đ, thời hạn thanh toán 5 năm.

3. Ngày 16/02: Nhận thông báo của công ty A về số lãi được chia 9 tháng đầu năm với mức lãi 12% trên mệnh giá cổ phần sở hữu.

4. Ngày 20/12: Chuyển nhượng 100 cổ phần đang nắm giữ của công ty A cho công ty X với giá 200.000.000đ và yêu cầu X chuyển số tiền này vào kho bạc nhà nước để thanh toán tiền công ty ABC đã mua một số trái phiếu kho bạc thời hạn 5 năm với mệnh giá tương đương.

Chi phí môi giới chuyển nhượng cổ phiếu cho X đã chi bằng tiền mặt 2.000.000đ.

5. Ngày 22/12: Nhận giấy báo của Ngân hàng Đ báo đã chuyển lãi định kỳ tháng 12 của số kỳ phiếu ngân hàng này vào tài khoản tiền gửi của ABC.

6. Ngày 30/12: Đến thời hạn thu nợ khách hàng C, số tiền 180.000.000đ, khách hàng không có khả năng thanh toán bằng tiền mặt nên đã đề nghị thanh toán số tiền trên bằng một số kỳ phiếu ngân hàng N phát hành từ ngày 01/11/200X, thời hạn 12 tháng, lãi trả trước với lãi suất 11,4%, mệnh giá 200.000.000đ. ABC **có nên** đồng ý với phương án thu nợ này **hay không?**

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài tập 12:

Tại một doanh nghiệp có tình hình các loại nguồn vốn quý 2 như sau:

1. Ngày 15/04: Theo quyết định của ban giám đốc, trích số tiền 10.000.000đ từ Quỹ khen thưởng thưởng cho một số công nhân viên hoàn thành kế hoạch quý I, đồng thời cho số công nhân viên này được đi nghỉ mát 3 ngày trong tháng 4.
2. Ngày 20/04: Chi tiền mặt cho công nhân viên mượn để sửa chữa nhà 2.000.000đ.
3. Ngày 24/04: Chi khen thưởng cho số công nhân viên nói trên bằng tiền mặt.
4. Ngày 28/04: Chi tiền mặt tạm ứng cho nhân viên A để dẫn đoàn đi nghỉ mát 5.000.000đ do Quỹ khen thưởng đài thọ.
5. Ngày 02/05: Nhân viên A thanh toán số tiền tạm ứng đã chi cho đoàn nghỉ mát kèm theo chứng từ 4.820.000đ, số tiền thừa nộp lại quỹ.
6. Ngày 18/05: Chi tạm ứng cho nhân viên Văn – Thể – Mỹ bằng tiền mặt để mua dụng cụ thể thao do Quỹ phúc lợi đài thọ: 7.000.000đ.
7. Ngày 20/05: Chi tiền mặt để sửa chữa giàn máy karaoke phục vụ giải trí cho công nhân viên 500.000đ, sử dụng từ nguồn Quỹ phúc lợi.
8. Ngày 04/06: Bổ sung nguồn vốn xây dựng cơ bản từ Quỹ Đầu tư phát triển 20.000.000đ.
9. Ngày 20/06: Theo quyết định của Ban giám đốc, tạm trích các quỹ trong quý 2 như sau:
 - Quỹ Đầu tư phát triển 30.000.000đ
 - Quỹ khen thưởng: 12.000.000đ
 - Quỹ phúc lợi: 6.000.000đ
10. Dùng Quỹ phúc lợi mua một tài sản cố định đặt ở phòng ăn của công nhân viên, số tiền 11.000.000, chưa thanh toán.

11. Ngày 29/06: Nhân viên Văn – Thể – Mỹ đã mua dụng cụ thể thao và thanh toán bằng chứng từ với số tiền 6.700.000đ

12. Ngày 30/06: Quyết định của Ban giám đốc về việc cho công nhân viên mượn sửa nhà gồm trợ cấp khó khăn 1.800.000đ. số còn lại trừ vào lương tháng này.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài tập 13:

Công ty X là một doanh nghiệp kinh doanh thương mại, có chức năng xuất nhập khẩu hàng hoá, hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Trong tháng 07/200N, công ty có một số nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Ngày 02/07: Nhập khẩu một tài sản cố định hữu hình, giá nhập 12.000USD, đã thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng. Thuế nhập khẩu 5% giá nhập, đã thanh toán bằng tiền mặt. Một số chi phí phát sinh trong quá trình nhập khẩu chưa thanh toán tổng cộng 2.000.000đ. Tài sản cố định này đầu tư bằng nguồn từ Quỹ Đầu tư phát triển. Tỷ giá thực tế: 16.000VND/1USD; tỷ giá xuất ngoại tệ 16.020VND/1USD.

2. Ngày 04/07: Nhập khẩu trực tiếp 300 xe máy, đơn giá 1000USD/1chiếc/CIF Hải Phòng, đã thanh toán bằng tiền vay ngân hàng. Hàng về chuyển thẳng cho khách hàng A 200 chiếc, khách hàng B 100 chiếc. Thuế nhập khẩu 5%, thuế GTGT 10%. Người mua chưa nhận được hàng. Tỷ giá thực tế 16.010VND/1USD.

3. Ngày 06/07: Mua một lô hàng hoá trị giá 250.000.000đ, thuế GTGT 10%, chưa thanh toán, gửi thẳng ra cảng làm thủ tục xuất khẩu.

4. Ngày 08/07: Hàng đã được chuyển lên tàu theo hợp đồng, giá bán chưa thuế nhập khẩu 23.000USD/FOB Hải Phòng, thuế xuất khẩu 2%, thuế GTGT 0%. Tỷ giá thực tế 16.100VND/1USD.

5. Ngày 10/07: Nhận được hoá đơn chính thức do công ty Y cung cấp về lô hàng mà công ty X đã ghi nhập kho theo giá tạm tính là 200.000.000đ, giá chính thức ghi trên hoá đơn là 210.000.000đ, thuế GTGT 21.000.000đ.

6. Ngày 15/07: Nhận được giấy báo Có của Ngân hàng về việc đã thu được tiền về lô hàng gửi bán ngày 08/07 với số tiền 23.000USD, tỷ giá thực tế 16.300 VND/1USD.

7. Ngày 21/07: Nhận được 100 tấn gạo của công ty B, giá mua 319.000.000 đ (đã bao gồm thuế GTGT 10%). Hàng được chuyển thẳng xuống tàu, khi kiểm nghiệm, làm các thủ tục xác nhận trọng lượng hàng tại cảng phát hiện thừa 1 tấn, chưa rõ nguyên nhân.

8. Ngày 22/07: Số gạo gửi xuất khẩu đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu và bốc dỡ lên tàu. Giá xuất khẩu 500USD/1 tấn, thuế xuất khẩu 5%, thuế GTGT 0%. Tỷ giá thực tế 16.200VNĐ/1USD.

9. Ngày 24/07: Vay ngắn hạn ngân hàng số tiền 50.000USD để ký quỹ mở L/C nhập khẩu. Tỷ giá thực tế 16.130VNĐ/1USD.

10. Ngày 26/07: Nhận được giấy báo của khách hàng nước ngoài về việc từ chối nhận lô hàng mà công ty gửi đi và đã xác định tiêu thụ quý trước vì không đúng quy cách.

Trị giá vốn hàng xuất khẩu 100.000.000đ. Giá bán 12.000USD đã thu bằng tiền gửi ngân hàng kỳ trước. Công ty được hoàn lại thuế xuất khẩu đã nộp kỳ trước 2.000.000đ. Biết rằng tại thời điểm tiêu thụ, tỷ giá thực tế là 16.100VNĐ/1USD, tỷ giá thực tế ngày 26/07 16.300VND/1USD

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

Bài tập 14: Tại doanh nghiệp thương mại Hoàng Kim, trong kỳ có các tài liệu liên quan đến quá trình kinh doanh sau:

Tài liệu 1: Số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

- TK 1561: 2.000 sản phẩm (đơn giá 200.000đ/sp).
- Tài khoản 1562: 4.000.000đ

Tài liệu 2: Trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Doanh nghiệp thu tiền phạt vi phạm hợp đồng của khách hàng bằng tiền mặt là 2.000.000đ.

2. Nhận một tài sản cố định góp vốn liên doanh, nguyên giá tài sản là 380.000.000đ, đã trích khấu hao 100.000.000đ. Tài sản cố định được các bên liên doanh đánh giá lại 300.000.000đ.

3. Xuất 200 sản phẩm gửi đi bán, đơn giá bán 265.000đ, thuế GTGT 10%. Đồng thời thu tiền bồi thường do vi phạm cam kết giao hàng của khách hàng bằng tiền gửi ngân hàng 10.000.000đ.

4. Bán tài sản cố định thu bằng tiền gửi ngân hàng giá bán chưa thuế 480.000.000đ, thuế GTGT 10%. Biết rằng tài sản cố định này có nguyên giá là 600.000.000đ, đã khấu hao 100.000.000đ.

5. Xuất 1.000 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, giá bán 250.000đ/sp. Thuế GTGT 10% khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

6. Tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng là 20.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000đ. Đồng thời trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương.

7. Khấu hao tài sản cố định dùng bộ phận bán hàng 6.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 4.000.000đ.

8. Công ty bảo hiểm Bảo Minh bồi thường cho doanh nghiệp 30.000.000đ bằng chuyển khoản về khoản bảo hiểm hỏa hoạn. Do bị cháy một kho hàng nên

kỳ này được cơ quan thuế xét giảm 100.000.000đ tiền thuế GTGT và được trừ vào số thuế GTGT phải nộp tháng sau.

9. Chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt 12.000.000đ, thuế GTGT 10%, phân bổ cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ 2:1.

Yêu cầu: định khoản các nghiệp vụ và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ tại doanh nghiệp.

Bài tập 15:

Tại doanh nghiệp thương mại Hoàn Vũ, trong kỳ có các tài liệu liên quan đến quá trình kinh doanh sau:

Tài liệu 1: số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

- TK 1561: 2.000 sản phẩm (đơn giá 100.000đ/sp).
- Tài khoản 1562: 2.000.000đ

Tài liệu 2: trong kỳ có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh sau:

1. Rút tiền gửi ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt 100.000.000đ.
2. Doanh nghiệp thu tiền phạt vi phạm hợp đồng của khách hàng bằng tiền mặt là 2.000.000đ.
3. Nhận một tài sản cố định góp vốn liên doanh, nguyên giá tài sản là 480.000.000đ, đã trích khấu hao 160.000.000đ. Tài sản cố định được các bên liên doanh đánh giá lại 300.000.000đ.
4. Thu tiền bồi thường do vi phạm cam kết giao hàng của khách hàng bằng tiền gửi ngân hàng 10.000.000đ.
5. Xuất 200 sản phẩm gửi đi bán, giá bán 165.000đ, thuế GTGT 10%.

6. Bán tài sản cố định thu bằng tiền gửi ngân hàng giá bán chưa thuế 480.000.000đ, thuế GTGT 10%. Biết rằng tài sản cố định này có nguyên giá là 600.000.000đ, đã khấu hao 100.000.000đ.

7. Xuất 1.000 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, giá bán 200.000đ/sp. Thuế GTGT 10% khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

8. Tiền lương phải trả cho nhân viên bán hàng là 20.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000đ.

9. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định tính vào chi phí có liên quan kể cả phần trừ lương.

10. Khoản nợ phải thu khó đòi đã xử lý của ông A là 2.000.000đ, nay ông A thanh toán nợ cho doanh nghiệp bằng tiền mặt.

11. Khấu trừ tiền phạt của khách hàng là 1.000.000đ được khấu trừ vào khoản ký cược, ký quỹ ngắn hạn.

12. Khấu hao tài sản cố định dùng bộ phận bán hàng 6.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 4.000.000đ.

13. Công ty bảo hiểm Bảo Minh bồi thường cho doanh nghiệp 30.000.000đ bằng chuyển khoản về khoản bảo hiểm hỏa hoạn.

14. Do bị cháy một kho hàng nên kỳ này được cơ quan thuế xét giảm 100.000.000đ tiền thuế GTGT và được trừ vào số thuế GTGT phải nộp tháng sau.

15. Chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt 12.000.000đ, thuế GTGT 10%, phân bổ cho bộ phận bán hàng và quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ 2:1.

16. Do có sự nhầm lẫn trong việc kê khai thuế xuất khẩu 4 tháng trước đây, nay cơ quan hải quan yêu cầu doanh nghiệp nộp bổ sung 30.000.000đ tiền thuế

xuất khẩu, doanh nghiệp đã chuyển khoản cho kho bạc, kỳ này doanh nghiệp không xuất khẩu sản phẩm.

Yêu cầu: định khoản các nghiệp vụ và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ tại doanh nghiệp.

Bài tập 16:

Tại doanh nghiệp Việt Hà hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, xuất kho hàng hoá, xuất ngoại tệ theo phương pháp FIFO, trong kỳ các tài liệu có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp được kế toán tổng hợp như sau:

Tài liệu 1: số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

- TK 1112: 20.000 USD * 15.900 đ/USD
- TK 1122: 30.000 USD * 15.900 đ/USD
- TK 1561: 900.000.000đ (1.000 sản phẩm).
- TK 1562: 9.000.000đ.
- TK 331: 795.000.000đ (50.000 USD).

Tài liệu 2: trong kỳ có có nghiệp vụ phát sinh như sau:

1. Nộp 10.000 USD ngoại tệ mặt vào tài khoản tiền gửi ngân hàng, tỷ giá thực tế lúc phát sinh nghiệp vụ là 15.870đ/USD.

2. Nhập khẩu một tài sản cố định dùng cho bộ phận bán hàng giá mua 40.000 USD, giá CIF TP.HCM. Thuế nhập khẩu 10%, thuế GTGT là 10%. Tỷ giá thực tế lúc phát sinh nghiệp vụ là 15.890đ/USD. Các chi phí có liên quan đến tài sản cố định này doanh nghiệp đã thanh toán bằng tiền mặt là 20.840.000đ, thuế GTGT 10%. Biết rằng thời gian sử dụng hữu của tài sản cố định là 10 năm.

3. Nhận một lô hàng có trị giá 900.000.000đ để xuất khẩu uỷ thác.

4. Chuyển tờ khai hải quan xác nhận lô hàng gửi uỷ thác xuất khẩu đã được xuất khẩu cho bên uỷ thác xuất khẩu và nhận được hoá đơn GTGT với thuế suất 0% do bên uỷ thác xuất khẩu giao với giá bán là 90.000 USD. Thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt là 20%, thuế suất thuế xuất khẩu 5%. Tỷ giá giao dịch 15.900đ/USD.

5. Tiền lương phải trả cho cán bộ công nhân viên phòng kinh doanh xuất nhập khẩu là 30.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp là 10.000.000đ.

6. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định.

7. Thanh toán hộ các khoản chi phí liên quan đến lô hàng nhận xuất khẩu uỷ thác với tổng số tiền là 27.500.000đ bằng tiền mặt, gồm 10% thuế GTGT.

8. Xuất kho 100 sản phẩm gửi đi bán, đơn giá bán 1.200.000đ, thuế GTGT 10%.

9. Xuất 200 sản phẩm đi tiêu thụ trực tiếp, đơn giá bán 1.000.000đ, thuế GTGT 10%, khách hàng thanh toán bằng chuyển khoản.

10. Giao hoá đơn thuế GTGT phí uỷ thác xuất khẩu cho bên uỷ thác xuất khẩu với tổng số tiền phải thanh toán là 38.500.000đ, gồm 10% thuế GTGT.

11. Ngân hàng báo có về số tiền thanh toán từ bên mua hàng. Tỷ giá giao dịch 15.910đ/USD.

12. Nộp các khoản thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu vào ngân sách nhà nước qua ngân hàng.

13. Khấu hao tài sản cố định dùng ở bộ phận bán hàng 5.000.000đ và bộ phận quản lý doanh nghiệp 3.000.000đ.

14. Chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền mặt theo hoá đơn gồm 10% thuế GTGT là 8.800.000đ, phân bổ cho bộ phận bán hàng và bộ phận quản lý doanh nghiệp theo tỷ lệ 3:1.

15. Các bên trong hợp đồng uỷ thác xuất khẩu đối chiếu công nợ và tiến hành bù trừ giữa các khoản phải thu và các khoản phải trả.

16. Chuyển khoản thanh toán cho bên uỷ thác xuất khẩu số tiền còn nợ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Bài tập 17:

Tại doanh nghiệp thương mại Việt Hàn hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ, trong kỳ có các tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh như sau:

Tài liệu 1: số dư đầu kỳ của một số tài khoản:

- TK 1112: 20.000 USD * 15.890đ/USD
- TK 1122: 10.000 USD * 15.890đ/USD
- TK 1561: 200.000.000đ (4.000sp)
- TK 1562: 2.000.000đ.
- TK 331: 300.000.000đ
- TK 131: 200.000.000đ

Tài liệu 2: các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ như sau:

1. Bán 10.000 USD mặt thu về 159.100.000đ bằng tiền mặt Việt Nam.
2. Doanh nghiệp nhập kho một lô hàng 10.000 sản phẩm, đơn giá 55.000đ/sp, gồm 10% thuế GTGT. Chi phí thu mua hàng thanh toán bằng tiền mặt là 5.000.000đ, thuế GTGT là 10%.
3. Xuất kho 8.000sp giao cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu.
4. Doanh thu hàng xuất khẩu uỷ thác đã xác định tiêu thụ đối với lô hàng 8.000sp, trị giá lô hàng xuất khẩu là 640.000.000đ.

5. Bộ phận kinh doanh báo hỏng một công cụ dụng cụ ở kỳ thứ 7, biết rằng công cụ dụng cụ này thuộc loại phân bổ 8 kỳ, trị giá ban đầu là 24.000.000đ, phế liệu bán thu bằng tiền mặt là 1.000.000đ.

6. Tiền lương phải trả cho nhân viên bộ phận kinh doanh là 60.000.000đ, ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là 20.000.000đ.

7. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định, kể cả phần trừ lương.

8. Khấu hao trang thiết bị dùng ở bộ phận trực tiếp bán hàng là 4.000.000đ, bộ phận kinh doanh là 2.000.000, thiết bị quản lý dùng cho bộ phận văn phòng doanh nghiệp là 4.000.000đ.

9. Dịch vụ mua ngoài chưa thanh toán cho khách hàng theo hoá đơn là 8.000.000đ, thuế GTGT 10%, phân bổ cho bộ phận kinh doanh là 6.000.000đ và bộ phận quản lý doanh nghiệp là 2.000.000đ.

10. Thuế xuất khẩu phải nộp theo lô hàng xuất khẩu là 5% trên trị giá lô hàng.

11. Đơn vị nhận uỷ thác gửi chứng từ và thông báo đã nộp thuế xuất khẩu.

12. Phí ngân hàng đơn vị nhận uỷ thác đã chi hộ cho doanh nghiệp là 6.000.000đ, thuế GTGT 10%.

13. Phí uỷ thác xuất khẩu phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác là 13.200.000đ, gồm 10% thuế GTGT.

14. Bù trừ khoản tiền phải thu và phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu.

15. Xuất kho 2.000sp đi tiêu thụ trực tiếp, giá bán 80.000đ/sp, thuế GTGT 10% khách hàng chưa thanh toán.

16. Giấy báo có, nhận số tiền bán hàng uỷ thác xuất khẩu còn lại sau khi đã bù trừ công nợ.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp.

Bài tập 18:

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại một đơn vị giao uỷ thác nhập khẩu có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh:

1. Trả trước một khoản tiền mua hàng để mở L/C nhập khẩu, số tiền 50.000.000đ bằng chuyển khoản.
2. Nhận hàng uỷ thác nhập khẩu do đơn vị nhận uỷ thác giao trả, giá trị hàng nhập khẩu chưa có thuế GTGT là 500.000.000đ, thuế GTGT hàng nhập khẩu là 50.000.000đ (trong đó thuế nhập khẩu là 100.000.000đ).
3. Số tiền phải trả đơn vị nhận uỷ thác chi hộ cho hoạt động nhận uỷ thác nhập khẩu là 6.600.000đ, trong đó bao gồm 10% thuế GTGT.
4. Phí uỷ thác phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác 4.400.000đ (gồm 10% thuế GTGT).
5. Chuyển tiền gửi ngân hàng thanh toán số tiền còn phải trả đơn vị nhận uỷ thác là 511.000.000đ.

Biết rằng: Đơn vị nhận uỷ thác nhập khẩu nộp hộ các khoản thuế vào ngân sách Nhà nước, hàng nhập khẩu sử dụng vào hoạt động kinh doanh hàng hoá chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

Bài tập 19:

Tại doanh nghiệp Thành Công có một số tài liệu liên quan đến quá trình nhận uỷ thác nhập khẩu cho doanh nghiệp Vạn Hưng sau:

1. Khách hàng hàng A ứng trước tiền mua hàng bằng chuyển khoản là 500.000.000đ

2. Nhận trước tiền hàng của bên uỷ thác nhập khẩu 600.000.000đ bằng chuyển khoản.

3. Mua 10.000 USD mặt, tỷ giá lúc phát sinh nghiệp vụ là 15.890đ/USD

4. Chuyển khoản cho ngân hàng để mở L/C 50.000 USD. Tỷ giá giao dịch 15.900đ/USD. Tỷ giá xuất ngoại tệ 15.850đ/USD

5. Nhập kho một số hàng hoá theo hợp đồng nhận khẩu uỷ thác với trị giá ghi nhận trên hoá đơn thương mại là 100.000 USD. Thuế suất thuế nhập khẩu là 20%, thuế suất thuế tiêu thụ đặc biệt đối với hàng nhập khẩu là 50% và thuế suất thuế GTGT hàng nhập khẩu là 10%. Tỷ giá giao dịch là 15.900đ/USD

6. Xuất kho hàng hoá giao cho bên uỷ thác nhập khẩu kèm theo hoá đơn thuế suất thuế GTGT 10%

7. Giao hoá đơn GTGT phí nhập khẩu uỷ thác là 2% trên tổng số tiền phải thanh toán theo hoá đơn thương mại cho bên nước ngoài, tỷ giá thực tế lúc phát sinh nghiệp vụ là 15.900đ/USD, thuế GTGT 10%, giao cho bên uỷ thác nhập khẩu

8. Chi 40.000.000đ bằng tiền mặt, thuế GTGT 10% trả hộ cho bên uỷ thác nhập khẩu về các khoản chi phí có liên quan đến lô hàng uỷ thác nhập khẩu

9. Nhận được chứng từ ngân hàng thông báo đã chuyển khoản 50.000 USD thanh toán tiền hàng cho bên bán từ tài khoản ký quỹ L/C

10. Chuyển khoản thanh toán toàn bộ tiền thuế liên quan đến lô hàng vào kho bạc Nhà nước

11. Nhận được giấy báo Có của ngân hàng về toàn bộ số tiền thanh toán của bên uỷ thác nhập khẩu

12. Chuyển khoản thanh toán hết số tiền hàng còn lại cho nhà xuất khẩu. Tỷ giá xuất ngoại tệ là 15.910đ/USD

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên.

Bài tập 20:

Tại một doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có các nghiệp vụ sau:

Tài liệu 1: Số dư của một số tài khoản:

○ TK 1122 (20.000 *15.970):	319.400.000đ
○ TK 1112 (10.000*15.970):	159.700.000đ
○ TK 131:	758.950.000đ
○ TK 131 Giang Tây (10.000):	159.700.000đ
○ TK 131 Thái Tuấn (25.000):	399.250.000đ
○ TK 131 Thế Giới Mới:	200.000.000đ
○ TK 156 (15.000sp):	1.800.000.000đ

Tài liệu 2: Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ:

1. Công ty Thái Tuấn trả nợ cho doanh nghiệp 25.000USD bằng chuyển khoản, tỷ giá thực tế lúc phát sinh nghiệp vụ là 15.950đ/USD
2. Nộp 10.000USD ngoại tệ mặt vào tài khoản tiền gửi ngân hàng bằng ngoại tệ, tỷ giá thực tế lúc phát sinh nghiệp vụ là 15.990đ/USD
3. Xuất khẩu 12.500sp, đơn giá bán theo hợp đồng ngoại thương 9,6USD, thuế xuất khẩu 10%. Tỷ giá giao dịch là 15.960đ/USD
4. Tiền lương phải trả cho nhân viên phòng kinh doanh xuất nhập khẩu 20.000.000đ, cho bộ phận QLDN là 10.000.000đ
5. Trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định kể cả phần trừ lương
6. Chi 19.800.000đ bằng tiền mặt, gồm 10% thuế GTGT, để thanh toán một số chi phí phát sinh tại cảng như chi phí bốc dỡ, nâng hạ, kiểm đếm
7. Trích khấu hao TSCĐ sử dụng cho bộ phận bán hàng là 6.000.000đ, bộ phận QLDN là 4.000.000đ
8. Trong lô hàng xuất khẩu có 500 sp không đạt chất lượng theo yêu cầu, bên mua trả lại và doanh nghiệp buộc phải nhập lại số sản phẩm này

9. Chuyển khoản thanh toán tiền thuế xuất khẩu cho NSNN

10. Các chi phí phát sinh thanh toán bằng tiền mặt theo hoá đơn gồm 10% thuế GTGT là 13.200.000đ, phân bổ cho bộ phận bán hàng 8.000.000đ, bộ phận QLDN là 4.000.000đ

11. Khách hàng thanh toán tiền qua ngân hàng trong thời hạn được hưởng chiết khấu thanh toán 1% theo hợp đồng. Lệ phí ngân hàng phát sinh 100USD, tỷ giá GD 15.980

12. Doanh nghiệp xuất 2.000sp đi xuất khẩu đang làm thủ tục hải quan tại cảng, nên cuối kỳ chưa xác định hàng đã xuất khẩu.

13. Chi phí điện, nước, điện thoại,... doanh nghiệp đã nhận được giấy báo nhưng chưa thanh toán tiền cho khách hàng trị giá 11.000.000đ, gồm 10% thuế GTGT, phân bổ cho bộ phận bán hàng 4.000.000đ, bộ phận QLDN 6.000.000đ

14. Bộ phận KD báo hỏng một số công cụ dụng cụ ở kỳ thứ 3, biết rằng CCDC này thuộc loại phân bổ 4 lần, trị giá ban đầu là 8.000.000đ, phế liệu bán thu bằng tiền mặt là 1.000.000đ

15. Rút 1.000USD từ ngân hàng về nhập quỹ tiền mặt, tỷ giá thực tế là 15.930đ/USD

16. Các chi phí khác phát sinh thanh toán bằng tiền gửi ngân hàng là 25.300.000đ, gồm 10% thuế GTGT, trong đó phân bổ cho bộ phận bán hàng là 15.000.000đ, bộ phận QLDN là 8.000.000đ

Yêu cầu: Định khoản và XĐ KQKD trong kỳ. Biết rằng doanh nghiệp áp dụng phương pháp xuất kho và xuất ngoại tệ theo phương pháp nhập trước xuất trước.

Bài tập 21:

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại một doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có các nghiệp vụ sau:

1. Kế toán giao hàng cho đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu, trị giá hàng xuất kho 300.000.000 đồng.
2. Doanh thu hàng xuất khẩu: 540.000.000đ (hàng đã xuất khẩu).
3. Thuế xuất khẩu phải nộp là 27.000.000đ
4. Đơn vị nhận uỷ thác gửi chứng từ và thông báo đã nộp hộ thuế xuất khẩu, số tiền 27.000.000đ.
5. Phí ngân hàng đơn vị nhận uỷ thác đã chi hộ là 1.100.000đ, trong đó thuế giá trị gia tăng là 10%.
6. Phí uỷ thác xuất khẩu phải trả cho đơn vị nhận uỷ thác là 3.300.000đ.
7. Bù trừ khoản tiền phải thu về hàng xuất khẩu và khoản phải trả đơn vị nhận uỷ thác xuất khẩu, số tiền 31.400.000đ.
8. Giấy báo có, nhận số tiền bán hàng uỷ thác xuất khẩu còn lại sau khi đã bù trừ công nợ là 508.600.000đ.

Bài tập 22:

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại một doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có các nghiệp vụ sau:

1. Nhận hàng của đơn vị giao uỷ thác, số tiền: 300.000.000đ.
2. Số tiền hàng phải thu hộ đơn vị uỷ thác là 540.000.000đ.
3. Thuế xuất khẩu phải nộp cho bên giao uỷ thác là 27.000.000đ.
4. Chuyển tiền gửi ngân hàng nộp hộ thuế xuất khẩu cho đơn vị uỷ thác 27.000.000đ.

5. Phí ngân hàng chi hộ cho bên uỷ thác bằng tiền gửi ngân hàng: 1.100.000đ.
6. Phí uỷ thác xuất khẩu 3.300.000đ, trong đó thuế GTGT 10%.
7. Bù trừ công nợ với bên uỷ thác xuất khẩu, số tiền 31.400.000đ.
8. Chuyển tiền gửi ngân hàng trả cho đơn vị uỷ thác số tiền hàng còn lại là: 508.600.000đ.

Bài tập 23:

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại một doanh nghiệp kinh doanh xuất nhập khẩu có các nghiệp vụ sau:

Tài liệu 1:

- Tài khoản 111: 1.800.000.000đ
- Tài khoản 112: 2.200.000.000đ
- Tài khoản 131: 800.000.000đ
- Tài khoản 331: 400.000.000đ
- Tài khoản 155: (45.000sp) 675.000.000đ

Tài liệu 2:

1. Doanh nghiệp chuyển khoản trả trước cho bên nhận uỷ thác nhập khẩu 1.600.000.000đ
2. Nhập kho 10.000kg nguyên vật liệu, trị giá 3.108.600.000đ do bên nhận uỷ thác nhập khẩu giao kèm theo phiếu xuất kho. Bên nhận uỷ thác nhập khẩu chưa giao chứng từ nộp thuế GTGT hàng nhập.
3. Nhập kho 30.000sp, giá thành nhập kho 16.000đ/sp
4. Nhận được hoá đơn thuế GTGT phí nhập khẩu uỷ thác với tổng số tiền phải thanh toán là 165.000.000đ và một số hoá đơn GTGT khác về các khoản mà bên nhận uỷ thác nhập khẩu đã chi hộ là 66.000.000đ, gồm 10% thuế GTGT.

5. Nộp 1.500.000.000đ tiền mặt vào tài khoản tiền gửi ngân hàng.
6. Xuất bán theo phương thức trả chậm cho khách hàng A 15.000sp, giá bán trả ngay 19.200đ/sp, thuế GTGT 10%. Giá bán trả góp là 22.600đ/sp sẽ được khách hàng A thanh toán 12 lần trong vòng 12 tháng tính từ ngày giao hàng.
7. Xuất bán cho khách hàng B 30.000sp, đơn giá bán 19.800đ/sp gồm 10% thuế GTGT. Khách hàng B đã thanh toán cho doanh nghiệp bằng chuyển khoản.
8. Khách hàng A thanh toán lần thứ nhất cho doanh nghiệp bằng tiền mặt.
9. Nhận được hoá đơn thuế GTGT hàng nhập khẩu uỷ thác do bên nhận uỷ thác nhập khẩu giao với số thuế GTGT hàng nhập khẩu là 282.600.000đ. Biết rằng tổng số thuế phải nộp liên quan là 1.538.600.000đ.
10. Chuyển khoản trả hết số tiền còn thiếu nợ bên nhận uỷ thác nhập khẩu.

Yêu cầu:

Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh

Bài tập 24:

Một khách sạn có 4 hoạt động sau: Cho thuê phòng; Hoạt động Karaoke; Giặt ủi và làm đại lý kinh doanh điện thoại, fax với hoa hồng 10% doanh thu chưa thuế.

Trong tháng phát sinh:

1. Xuất kho một số xà phòng tắm, bàn chải đánh răng, trà .. trang bị cho phòng khách sạn trị giá 700.000đ. Chi tiền mặt mua báo hàng ngày cho phòng khách sạn 100.000đ.
2. Phải trả tiền công cho nhân viên dọn phòng 10.000.000đ, cho nhân viên trực tiếp điều chỉnh dàn máy karaoke 1.000.000đ, cho nhân viên giặt ủi 1.500.000đ, nhân viên phục vụ khách sạn 6.000.000đ, lương quản lý DN 15.000.000đ.

3. Trích BHXH, KPCĐ, BHYT theo chế độ quy định.
4. Xuất kho một số xà phòng, thuốc tẩy cho bộ phận giặt ủi trị giá 500.000đ.
5. Xuất kho một công cụ dùng cho phòng khách sạn 4.000.000đ, cho hoạt động karaoke 500.000đ, cho bộ phận giặt ủi 1.000.000đ cho quản lý DN 800.000đ.
6. Khấu hao tài sản cố định hữu hình phân bổ cho phòng khách sạn 60.000.000đ, cho hoạt động karaoke 5.000.000đ, cho bộ phận giặt ủi 3.000.000đ, cho điện thoại, fax 500.000đ cho quản lý DN 7.000.000đ.
7. Chi phí tiền điện, nước phải trả chưa thuế 4.000.000đ, phân bổ cho phòng khách sạn 2.000.000đ, giặt ủi 1.500.000đ, cho quản lý DN 500.000đ, và thuế GTGT tính 10%.
8. Chi phí bằng tiền mặt cho quản lý DN 6.000.000đ.
9. Doanh thu chưa thuế trong tháng gồm: phòng khách sạn 120.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%. Hoạt động karaoke 30.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 20%. Bộ phận giặt ủi 7.000.000đ, thuế suất thuế GTGT 10%. Doanh thu chưa trừ hoa hồng của đại lý bưu điện 8.000.000đ, không tính thuế GTGT hoa hồng. Tất cả đã thu bằng tiền mặt 83.700.000đ, bằng TGNH 100.000.000đ
10. Hãy kết chuyển chi phí tương ứng với doanh thu để tính kết quả kinh doanh trong tháng cho từng hoạt động và toàn DN, kế toán phân bổ chi phí quản lý DN theo tiền lương cơ bản trả cho từng hoạt động dịch vụ (không kể các khoản phụ cấp theo lương). Biết rằng còn 15 ngày đêm phòng khách sạn khách đã ở lưu lại tháng sau, chi phí định mức phòng khách sạn 100.000đ/ngày đêm. Các dịch vụ còn lại không treo chi phí dịch vụ dở dang cuối kỳ

Bài tập 25:

Tại một công ty du lịch có bộ phận kinh doanh hướng dẫn du lịch và bộ phận kinh doanh vận tải du lịch, phát sinh trong tháng như sau:

1. Nhận ứng trước của khách 40.000.000 đồng bằng TGNH để tổ chức 1 chuyến du lịch trọn gói có giá trị chưa thuế 90.000.000 đ.

2. Chi phí du lịch tập hợp như sau:

a- Đã trả bằng TGNH cho các hoá đơn ăn uống, ngủ là 39.000.000 đ và thuế GTGT là 3.900.000đ. Chi tiền mặt mua vé tham quan thắng cảnh là 1.000.000đ và thuế GTGT là 100.000đ.

b- Chi phí nhiên liệu cho xe chở khách 8.800.000đ, trả bằng tiền mặt, trong đó thuế GTGT 800.000đ.

c- Chi tiền mặt trả hoa hồng môi giới cho chuyến du lịch 1.000.000đ, cho công tác phí của nhân viên đội xe 2.000.000đ, nhân viên hướng dẫn du lịch 3.000.000đ. Xuất kho hàng hoá để tặng quà lưu niệm cho khách trị giá 200.000đ.

3. Tiền lương phải trả trong tháng cho nhân viên bộ phận kinh doanh hướng dẫn viên du lịch là 8.000.000đ, bộ phận kinh doanh vận tải du lịch 5.000.000đ, quản lý doanh nghiệp 15.000.000đ.

4. Trích BHXH, BHYTD, KPCĐ theo lương đúng chế độ.

5. Các chi phí khác trong tháng:

a- Chi TGNH 3.300.000đ, trong đó thuế GTGT 300.000đ, trả tiền quảng cáo cho công ty, phân bổ 3 tháng trong năm.

b- Khấu hao xe khách: 4.000.000đ, cho các TSCĐ dùng quản lý DN 6.000.000đ.

c- Trích trước chi phí hao mòn vỏ ruột xe: 2.000.000đ.

d- Tiền điện nước, điện thoại, chưa thuế phải trả cho quản lý DN 1.500.000đ, thuế GTGT tính 10%. Chi phí giao tế cho QLDN trả bằng tiền mặt 5.000.000đ.

6. Đã thực hiện xong chuyến du lịch, khách hàng trả hết số tiền còn lại bằng TGNH. Trong đó doanh thu chưa thuế của vận tải là 25.000.000đ, của hướng dẫn du lịch 65.000.000đ, thuế GTGT tính 10%.

Yêu cầu: Hãy kết chuyển toàn bộ chi phí và doanh thu để tính kết quả kinh doanh, biết rằng kế toán phân bổ chi phí quản lý DN theo doanh thu chưa thuế.

Bài tập 26:

Một DN chuyên sửa chữa cơ điện lạnh như tủ lạnh, máy lạnh, ... Đầu tháng còn chi phí DV dở dang 4.000.000đ, trong tháng phát sinh:

1. Xuất kho phụ tùng thay thế để sửa chữa trị giá 35.000.000đ, chi TM mua ngoài đem về dùng ngay vào sửa chữa trị giá 25.000.000đ

2. Tiền công của công nhân viên trực tiếp sửa chữa 770.000.000đ, nhân viên quản đốc 4.000.000đ, trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo chế độ quy định.

3. Tập hợp chi phí SX chung:

a- Xuất kho vật liệu trị giá 3.000.000đ

b- Phải trả tiền dịch vụ mua ngoài như điện, nước, điện thoại ... là 7.700.000đ trong đó thuế GTGT 700.000đ

4. Cuối tháng kiểm kê còn tồn một số phụ tùng thay thế và các chi phí nguyên liệu khác chưa sử dụng hết giá trị 5.000.000đ. Đánh giá công việc dở dang cuối kỳ theo định mức có giá trị 6.000.000đ.

5. Doanh thu chưa thuế trong kỳ là 220.000.000đ, thuế GTGT tính 10%, thu bằng TM 140.000.000đ, bằng TGNH 102.000.000đ. Còn một số tủ lạnh, máy lạnh đã sửa chữa xong nhưng khách hàng chưa nhận, ước tính doanh thu chưa thuế còn phải thu số dịch vụ này là 10.000.000đ

Yêu cầu: Hãy định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trên, tính chi phí DV kết chuyển trong kỳ tương ứng với doanh thu, xác định kết quả kinh doanh.

Bài tập 27:

Tại công ty Thấp Sáng có bộ phận kinh doanh hướng dẫn du lịch và bộ phận kinh doanh vận tải du lịch trong kỳ có các tài liệu kế toán được tập hợp sau:

1. Chi phí nhiên liệu cho xe chở khách là 8.800.000đ, gồm 10% thuế GTGT, chưa thanh toán tiền cho người bán.

2. Nhận ứng trước của khách hàng 60.000.000đ bằng tiền gửi ngân hàng để tổ chức một chuyến du lịch trọn gói có trị giá 120.000.000đ, thuế GTGT 10%.

3. Chi tiền gửi ngân hàng trả hoa hồng môi giới cho chuyến du lịch 2.000.000đ, cho công tác phí của nhân viên đội xe 3.000.000đ, nhân viên hướng dẫn du lịch là 2.500.000đ. Xuất kho hàng hoá để tặng quà lưu niệm cho khách hàng trị giá 500.000đ.

4. Đã trả bằng tiền gửi ngân hàng cho các hoá đơn ăn, uống, ngủ là 42.000.000đ, thuế GTGT 10%. Chi tiền mặt mua vé tham quan thắng cảnh là 1.000.000đ, thuế GTGT 10%.

5. Tiền lương phải trả trong tháng cho nhân viên bộ phận kinh doanh hướng dẫn du lịch là 7.000.000đ, bộ phận kinh doanh vận tải du lịch là 4.000.000đ, bộ phận quản lý doanh nghiệp 10.000.000đ. Đồng thời trích BHXH, BHYT, KPCĐ theo tỷ lệ quy định, kể cả phần trừ lương.

6. Trích trước chi phí hao mòn vỏ ruột xe là 3.000.000đ. Khấu hao xe khách là 6.000.000đ, cho các tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp là 4.650.000đ.

7. Chi tiền quảng cáo cho công ty là 4.400.000đ, gồm 10% thuế GTGT thanh toán bằng chuyển khoản và phân bổ trong 3 tháng.

8. Tiền điện, tiền nước, điện thoại, fax,... phải trả cho người cung cấp sử dụng ở bộ phận quản lý 1.500.000đ, thuế GTGT 10%. Chi phí giao tế thanh toán bằng tiền mặt 2.000.000.

9. Đã thực hiện xong chuyến du lịch, khách hàng trả hết số tiền còn lại bằng tiền gửi ngân hàng. Công ty ghi nhận doanh thu cho chuyến đi này với thuế GTGT với thuế suất 10%.

Yêu cầu: Định khoản các nghiệp vụ kinh tế phát sinh và xác định kết quả kinh doanh trong kỳ của từng hoạt động.



MỤC LỤC

<u>PHẦN LÝ THUYẾT</u>	1
CHƯƠNG 1: KẾ TOÁN MUA BÁN HÀNG HOÁ, TIÊU THỤ THÀNH PHẨM TRONG NƯỚC	
1.1. KẾ TOÁN MUA HÀNG HOÁ	2
1.1.1. Khái niệm	2
1.1.2. Nguyên tắc đánh giá.....	2
1.1.3. Tài khoản sử dụng	3
1.1.4. Nguyên tắc hạch toán.....	4
1.1.5. Phương pháp hạch toán một số nghiệp vụ chủ yếu	5
1.2. KẾ TOÁN BÁN HÀNG	9
1.2.1. Doanh thu bán hàng	9
1.2.2. Thời điểm ghi nhận doanh thu	9
1.2.3. Các khoản giảm trừ doanh thu	11
1.2.4. Chứng từ sử dụng	12
1.2.5. Tài khoản sử dụng	12
1.2.6. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu.....	16
CHƯƠNG 2: KẾ TOÁN XUẤT NHẬP KHẨU HÀNG HOÁ	
2.1. CÁC PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN QUỐC TẾ	21
2.2. CÁC PHƯƠNG TIỆN THANH TOÁN QUỐC TẾ	22
2.3. GIỚI THIỆU INCOTERMS 1990 VÀ INCOTERMS 2000	23
2.3.1. Nội dung cơ bản của Incoterms 1990	23
2.3.2. Nội dung cơ bản của Incoterms 2000	27
2.4. KẾ TOÁN NHẬP KHẨU TRỰC TIẾP	28
2.4.1. Khái niệm	28

2.4.2. Chứng từ hạch toán	29
2.4.3. Nguyên tắc đánh giá.....	29
2.4.4. Tài khoản sử dụng:.....	31
2.4.5. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:	31
2.5. KẾ TOÁN NHẬP KHẨU UỶ THÁC	36
2.5.1. Khái niệm:	36
2.5.2. Chứng từ hạch toán	36
2.5.3. Những quy định chung về nhập khẩu uỷ thác	36
2.5.4. Tài khoản sử dụng:	38
2.5.5. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:	38
2.6. KẾ TOÁN XUẤT KHẨU TRỰC TIẾP.....	47
2.6.1. Khái niệm:	47
2.6.2. Chứng từ hạch toán	48
2.6.3. Tài khoản sử dụng:	48
2.6.4. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:	48
2.7. KẾ TOÁN UỶ THÁC XUẤT KHẨU	52
2.7.1. Khái niệm:	52
2.7.2. Chứng từ hạch toán:	53
2.7.3. Tài khoản sử dụng:	53
2.7.4. Phương pháp kế toán một số nghiệp vụ chủ yếu:	54
CHƯƠNG 3: KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH VÀ HOẠT ĐỘNG KHÁC	
3.1. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH.....	61
3.1.1. Khái niệm	61
3.1.2. Tài khoản sử dụng:.....	61
3.1.3. Phương pháp hạch toán:.....	62

3.2. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KHÁC	64
3.2.1. <i>Khái niệm:</i>	64
3.2.2. <i>Tài khoản sử dụng:</i>	65
3.2.3. <i>Phương pháp hạch toán.....</i>	65
CHƯƠNG 4: KẾ TOÁN CÁC LOẠI NGUỒN VỐN TRONG DOANH NGHIỆP	
4.1. KẾ TOÁN CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ.....	66
4.1.1. <i>Khái niệm:</i>	66
4.1.2. <i>Tài khoản sử dụng:</i>	66
4.1.3. <i>Phương pháp hạch toán:</i>	66
4.2. KẾ TOÁN NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU.....	68
4.2.1. <i>Khái niệm:</i>	68
4.2.2. <i>Tài khoản sử dụng:</i>	68
4.3.1. <i>Phương pháp hạch toán:</i>	68
CHƯƠNG 5: ĐẶC ĐIỂM KẾ TOÁN DOANH NGHIỆP KINH DOANH DỊCH VỤ	
5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH DỊCH VỤ	71
5.1.1. <i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh dịch vụ:</i>	71
5.1.2. <i>Điều kiện ghi nhận doanh thu dịch vụ:</i>	71
5.2. KẾ TOÁN HOẠT ĐỘNG KINH DOANH NHÀ HÀNG.....	72
5.2.1. <i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh nhà hàng:</i>	72
5.2.2. <i>Kế toán hoạt động kinh doanh nhà hàng:</i>	73
5.3. KẾ TOÁN KINH DOANH KHÁCH SẠN.....	80
5.3.1. <i>Đặc điểm hoạt động kinh doanh khách sạn:</i>	80
5.3.2. <i>Kế toán hoạt động kinh doanh khách sạn:</i>	81

5.4. KẾ TOÁN KINH DOANH DỊCH VỤ	83
5.4.1. Đặc điểm kế toán kinh doanh du lịch:	83
5.4.2. Kế toán kinh doanh du lịch:.....	84
5.4.3. Kinh doanh hướng dẫn du lịch:.....	85
5.4.4. Kinh doanh vận chuyển du lịch:	85
5.4.5. Kế toán doanh thu chi phí quản lý doanh nghiệp và tính kết quả kinh doanh:	86
5.5. KẾ TOÁN KINH DOANH CÁC DỊCH VỤ KHÁC	86
5.5.1. Đặc điểm kế toán kinh doanh các dịch vụ khác:	86
5.5.2. Kế toán giá thành dịch vụ và chi phí quản lý doanh nghiệp:	87
5.6. KẾ TOÁN DOANH THU VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH...90	
5.6.1. Phương pháp hạch toán một số các nghiệp vụ kinh tế chủ yếu:	91
5.6.2. Hạch toán ở DN chuyên kinh doanh cho thuê TSCĐ thuê hoạt động (cho thuê nhà, thuê văn phòng, thuê máy móc thiết bị...)	92
5.6.3. Hạch toán ở DN chuyên kinh doanh cho thuê công cụ, dụng cụ.	93
CHƯƠNG 6: HỆ THỐNG BÁO CÁO TÀI CHÍNH	
6.1. QUY ĐỊNH CHUNG	95
6.1.1. Mục đích của báo cáo tài chính	95
6.1.2. Đối tượng áp dụng.....	95
6.1.3. Hệ thống báo cáo tài chính của doanh nghiệp	96
6.1.4. Trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính.....	96
6.1.5. Nguyên tắc lập và trình bày báo cáo tài chính.....	96
6.1.6. Kỳ lập báo cáo tài chính	99
6.1.7. Nơi nhận báo cáo tài chính	100
6.2. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.....	101
6.3. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.....	133

6.3.1. Nội dung và kết cấu báo cáo	134
6.3.2. Cơ sở lập báo cáo.....	134
6.3.3. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	135
6.4. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	140
6.4.1. Cơ sở lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	149
6.4.2. Yêu cầu về mở và ghi sổ kế toán phục vụ lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	149
6.4.3. Phương pháp lập Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm:	150
6.5. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH.....	174
6.5.1. Mục đích của Bản thuyết minh báo cáo tài chính.....	174
6.5.2. Mẫu Bản thuyết minh báo cáo tài chính.....	174
6.5.3. Nguyên tắc lập và trình bày Bản thuyết minh báo cáo tài chính.....	198
6.5.4. Cơ sở lập Bản thuyết minh báo cáo tài chính.....	198
6.5.5. Nội dung và phương pháp lập các chỉ tiêu	199
<u>PHẦN BÀI TẬP</u>	222